

Số: 2061/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 30 tháng 10 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới  
trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 – 2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”;

Căn cứ Kế hoạch số 16-KH/TU ngày 04/5/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020 và tình hình thực tế triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 506/TTr-SNN ngày 09/10/2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 – 2020.

**Điều 2.** Căn cứ văn bản hướng dẫn cụ thể của các Bộ, ngành Trung ương, giao:

1. Thủ trưởng các Sở, ngành tỉnh phụ trách từng tiêu chí chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện, đánh giá và thẩm định mức độ đạt của từng tiêu chí thuộc phạm vi quản lý của ngành; đồng thời, tham mưu, đề xuất điều chỉnh các tiêu chí phụ trách khi có văn bản điều chỉnh từ các Bộ, ngành Trung ương.

2. Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh phối hợp các Sở, ngành liên

quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thẩm định và tổng hợp kết quả trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã văn hóa trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020./.

**Nơi nhận:**

- TT BCĐ TW các Chương trình MTQG;
- Văn phòng Điều phối NTM TW;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, PNN. 826

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Kim Ngọc Thái**



**BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017  
của UBND tỉnh Trà Vinh)

**I. QUY HOẠCH**

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Văn bản áp dụng
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn (quy hoạch đảm bảo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với ứng phó biến đổi khí hậu và đảm bảo tiêu chí môi trường nông thôn).	Đạt	Áp dụng theo phụ lục Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		1.2. Có ban hành quy định (quy chế) quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo đúng quy hoạch.	Đạt	

**II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI**

2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ km đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm, đạt cấp kỹ thuật của Bộ GTVT.	100%	Áp dụng theo Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải.
		2.2. Tỷ lệ km đường trục ấp và đường liên ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm, đạt cấp kỹ thuật của Bộ GTVT.	≥50%	
		2.3. Tỷ lệ km đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa, đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT.	100% sạch và không lầy lội, trong đó: có 50% cứng hoá.	
		2.4. Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hóa đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.	≥50%	
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên; riêng đối với vùng sản xuất tập trung đạt 100%.	Đạt	Áp dụng theo Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.	Đạt	

4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Áp dụng theo Quyết định số 4293/QĐ-BCT ngày 28/10/2016 của Bộ Công thương.
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn.	≥ 98%	
5	Trường học	<p>Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia. Tuy nhiên, trước mắt đối với các xã gặp khó khăn về huy động nguồn lực, mở rộng quy mô thì tận dụng các điều kiện thực tế đã có cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với các trường học (<i>Mầm non, Tiểu học, THCS</i>) có điểm chính dưới 10 lớp thì có thể bố trí phòng y tế học đường chung với khối hành chính quản trị.</li> <li>- Đối với trường Mầm non: Phòng dành cho nhân viên bố trí chung phòng hành chính quản trị nhưng vẫn đảm bảo diện tích và thiết bị, đồ dùng làm việc; Bố trí phòng sinh hoạt chung và phòng ngủ nhưng phải đảm bảo đủ diện tích, đồ dùng, trang thiết bị phục vụ hoạt động và được trang trí, sắp xếp ngăn nắp, khoa học, đẹp, phù hợp.</li> <li>- Đối với trường Tiểu học: Bố trí phòng giáo dục nghệ thuật với phòng học ngoại ngữ; Sử dụng phòng học làm phòng họp giáo viên; Bố trí góc truyền thông và hoạt động Đội chung với phòng thiết bị giáo dục.</li> <li>- Đối với trường THCS: Phòng học bộ môn theo hướng tổ hợp; Bố trí phòng chung gồm: phòng truyền thông, phòng làm việc của Công đoàn, phòng hoạt động của Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh; Khu luyện tập thể dục thể thao sử dụng chung trong sân trường nhưng phải đảm bảo vị trí hợp lý tránh ảnh hưởng đến việc học tập ngoài trời và trong phòng học của học sinh; Phòng họp hội đồng giáo dục nhà trường và phòng họp từng tổ bộ môn sử dụng chung với các phòng học.</li> </ul> <p>* Nhưng về lâu dài tất cả các trường phải đảm bảo đạt đúng theo quy định.</p>	≥70%	Áp dụng theo Công văn số 5869/BGDĐT-CSVCTBTH của Bộ Giáo dục và Đào tạo
6	Cơ sở vật chất văn hóa	<p>6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hội trường văn hóa đa năng tối thiểu 200 chỗ ngồi (các xã đặc biệt khó khăn, xã đảo tối thiểu 100 chỗ ngồi) và phải có ít nhất 02 phòng chức năng gồm: phòng hành chính – Thông tin truyền thanh; phòng đọc sách, báo, thư viện. Tuy nhiên, đối với các xã gặp khó khăn trong huy động các nguồn lực để xây dựng mới hội trường</li> </ul>	Đạt	Áp dụng theo Hướng dẫn số 4688/HD-BVHTTDL ngày 14/11/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

		<p>văn hóa đa năng thì tận dụng hội trường UBND xã và phải có ít nhất 200 chỗ ngồi và các phòng chức năng. Nhưng lâu dài phải có quy hoạch đạt quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>- Có sân thể thao phục vụ sinh hoạt thể thao của toàn xã. Về lâu dài phải đảm bảo đạt quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>		Ghi chú: Các địa phương phải thống nhất tên gọi và bảng hiệu: Nhà văn hóa xã, nhà văn hóa ấp
		<p>6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi. Đối với xã không có quỹ đất để xây dựng riêng, thì trước mắt sử dụng chung với khu thể thao của xã và trang bị một số trang thiết bị tối thiểu phục vụ vui chơi, giải trí.</p>	Đạt	
		<p>6.3. Tỷ lệ ấp hoặc liên ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa; khu thể thao phục vụ cộng đồng, cụ thể:          Có nhà văn hóa từ 100 chỗ ngồi trở lên. Riêng ấp ở các xã đặc biệt khó khăn, xã đảo từ 50 chỗ ngồi trở lên.          * Đối với các xã gặp khó khăn trong bố trí diện tích đất và huy động các nguồn lực để xây dựng mới nhà văn hóa – khu thể thao ấp thì tạm thời sử dụng các cơ sở vật chất hiện có như: nhà sinh hoạt cộng đồng, trụ sở Ban nhân dân ấp, đình, các cơ sở tôn giáo,... để tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng (khu thể thao có thể xây dựng liên ấp, tối đa 03 ấp). Nhưng lâu dài phải đạt quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>	100%	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	<p>Xã có chợ nông thôn theo qui hoạch được phê duyệt hoặc nơi buôn bán, trao đổi hàng hóa (nơi buôn bán, trao đổi hàng hóa: Tổng diện tích từ 1000m<sup>2</sup> và có các bộ phận phụ trợ như nhà vệ sinh, nơi đậu xe đảm bảo trật tự an toàn, sử dụng nước hợp vệ sinh, thu gom và xử lý rác thải, hệ thống thoát nước, thiết bị PCCC và có ban quản lý chợ). Riêng các chợ hiện có trên địa bàn các xã có diện tích chợ dưới 1.000m<sup>2</sup> nhưng đảm bảo đầy đủ các công trình phụ trợ thì vẫn xem xét, công nhận đạt tiêu chí.</p>	Đạt	Áp dụng theo Quyết định số 4800/QĐ-BCT ngày 08/12/2016 của Bộ Công thương
8	Thông tin và truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt	Áp dụng theo phụ lục Quyết định số 441/QĐ-BTTTT ngày 28/3/2017 Bộ Thông tin và Truyền thông
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet.	Đạt	
		8.3. Có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các ấp; duy trì hoạt động thường xuyên.	Đạt	
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành.	Đạt	
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, nhà dột nát; hộ không có đất ở phát sinh trước 03 năm trở lên so với năm xem xét, đánh giá công nhận.	Không	Áp dụng theo Công văn số 117/BXD-QHKT ngày 21/01/2015 của Bộ Xây dựng
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định.	≥ 70%	

### III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT

10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 (triệu đồng/người), cụ thể: - Năm 2016: $\geq 33$ triệu đồng/người/năm; - Năm 2017: $\geq 37$ triệu đồng/người/năm; - Năm 2018: $\geq 41$ triệu đồng/người/năm; - Năm 2019: $\geq 45$ triệu đồng/người/năm; - Năm 2020: $\geq 50$ triệu đồng/người/năm.	Đạt mức quy định hàng năm	Áp dụng theo Công văn số 563/TCTK-XHMT của Tổng cục Thống kê
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều	$\leq 4\%$	Áp dụng theo Công văn số 4999/LĐTBXH-KHTC của Bộ Lao động Thương binh – Xã hội
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động.	$\geq 90\%$	Áp dụng theo Công văn số 4999/LĐTBXH-KHTC của Bộ Lao động Thương binh – Xã hội
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Có hợp tác xã hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012.	Đạt	Áp dụng theo Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 Bộ Nông nghiệp và PTNT
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững.	Đạt	
		13.3. Giá trị sản xuất bình quân trên 1 ha đất nông nghiệp đạt trên 110 triệu đồng/năm.	Đạt	

### IV. VĂN HÓA – XÃ HỘI – MÔI TRƯỜNG

14	Giáo dục và đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2; phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2.	Đạt	Áp dụng theo Công văn số 5869/BGDĐT-CSVCTBTH ngày 29/11/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề).	$\geq 80\%$	
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo.	$\geq 40\%$	
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.	$\geq 86,5\%$	Áp dụng theo Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 của Bộ Y tế
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.	Đạt	
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi).	$\leq 20,5\%$	
16	Văn hóa	16.1. Tỷ lệ áp dụng tiêu chuẩn áp Văn hóa và áp Nông thôn mới.	$\geq 70\%$	Áp dụng theo Hướng dẫn số

		16.2. Xã đạt chuẩn xã văn hóa nông thôn mới theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Đạt	4688/HD-BVHTTDL ngày 14/11/2016 Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch: - Nước hợp vệ sinh - Nước sạch	$\geq 95\%$ $\geq 65\%$	Áp dụng theo phụ lục Quyết định số 69/QĐ-BNN- VPĐP ngày 09/01/2017 Bộ Nông nghiệp và PTNT
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.	100%	
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn (Các khu vực công cộng không có hành vi xả nước thải, chất thải rắn bừa bãi gây mất mỹ quan; hồ ao, kênh mương, bờ đê, đường làng ngõ xóm, khu vực công cộng được vệ sinh thường xuyên, sạch sẽ).	Đạt	
		17.4. Xã có quy hoạch nghĩa trang hoặc xây dựng nghĩa trang liên xã; đối với xã có đông đồng bào dân tộc Khmer có nhà hỏa táng; Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch (Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng).	Đạt	
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, chợ, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định.	Đạt	
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh đảm bảo 3 sạch.	$\geq 70\%$	
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.	$\geq 70\%$	
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.	100%	
		17.9. Các cơ quan, tổ chức đóng trên địa bàn xã phải đảm bảo xanh - sạch - đẹp.	100%	

## V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.	Đạt	Áp dụng theo phụ lục Quyết định số 69/QĐ-BNN- VPĐP ngày 09/01/2017 Bộ Nông nghiệp và PTNT
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.	Đạt	
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh".	Đạt	
		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên.	100%	
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.	Đạt	
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người	Đạt	

		dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.		
		18.7. Đảng ủy, Hội đồng nhân dân xã có Nghị quyết và Kế hoạch hằng năm về phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.	Đạt	
		18.8. Tỷ lệ dân số trong độ tuổi tham gia vào các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp.	≥85%	
		18.9. Hoàn thành các chỉ tiêu của cấp trên giao hằng năm.	Đạt	
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ quốc phòng quân sự địa phương.	Đạt	Áp dụng theo phụ lục Quyết định số 69/QĐ-BNN- VPĐP ngày 09/01/2017 Bộ Nông nghiệp và PTNT
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước.	Đạt	
		19.3. Xã được công nhận đạt tiêu chuẩn vững mạnh về quốc phòng, an ninh.	Đạt	